TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/ 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long

Bà Lê Thị Thanh

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về ''*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn''* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX- ST ngày 01/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐ-ST ngày 15/7/2022 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Nơi ĐKHK : Phố Y, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay : Số nhà A đường Đỗ Đại, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/3/2022 và bản tự khai ngày 31/3/2022 chị Lê Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2011 tại UBND xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L chơi bời cá cược gà chọi dẫn đến nợ nần, không chịu làm ăn , đàn đúm bạn bè để chơi bời, không quan tâm đến gia đình và vợ con, chị và gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không nghe mà còn dấn sâu vào con đường chơi bời, nợ nần để chủ nợ đến nhà đòi nợ vợ con, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, sức chịu đựng của chị không còn nên đến đầu năm 2020 chị và anh L sống ly thân nhau và chị đã làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn xin ly hôn anh L, Tòa án đã hòa giải vợ chồng đã về đoàn tụ. Nhưng anh L vẫn không thay đổi mà vẫn chơi bời và vợ chồng lại sống ly thân nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị Th và anh L có 02 con chung là Lê Minh Nh, sinh ngày 07/7/2012, Lê Huỳnh Kh, sinh ngày 27/7/2017. Từ trước đến nay hai cháu ở cùng chị Th. Chị Th xin được tiếp tục trực tiếp được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh và cháu Kh và chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại đơn đề nghị ngày 31/3/2022 cháu Lê Minh Nh trình bầy hiện nay cháu đang ở với mẹ, nguyện vọng cháu xin được tiếp tục được ở với mẹ để thuận tiện cho việc cháu học tập và sinh sống.

Về tài sản, nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Lê Văn L. Anh L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, anh L không có ý kiến gì. Anh L không chấp hành tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Triệu tập làm việc nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên Tòa án phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân đối với anh L tại gia đình và địa phương.

Tại biên bản xác minh ngày 29/3/2022 tại Công an xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Qua kiểm tra xác minh tại địa phương Công an xã cho biết anh Lê Văn L, sinh năm 1989, có đăng ký hộ khẩu thôn Tr, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa và vẫn sinh sống tại địa phương.

Theo báo của bà Phạm Thị L (Mẹ đẻ anh Lê Văn L) cung cấp anh Lê Văn L, sinh năm 1989, có đăng ký hộ khẩu thôn Tr, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay anh L đi làm ăn ở Miền Nam địa chỉ cụ thể như thế nào thì bà không biết, anh L thường xuyên về nhà, ăn tết xong lại đi làm ăn, anh L thường xuyên

liên lạc với gia đình, anh L đã biết việc chị Th xin ly hôn anh nhưng do điều kiện làm ăn nên anh không thể về được, bà đã nhận các văn bản thay cho anh L, bà nhận nhưng từ chối không ký vào biên bản giao nhận của Tòa án. Bà đã thông báo cho anh L biết và anh L đã nhận được thông báo các văn bản của Tòa.

Quan điểm của bà như sau: Anh L và chị Th có đăng ký kết hôn UBND xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2011. Quá trình chung sống anh L, chị Th sống hạnh phúc, anh L đi làm ăn ở Miền Nam. Đến khoảng năm 2020 thì anh L chị Th không ở với nhau nữa vì chị Th đi nước ngoài , anh chị có mâu thuẫn hay không thì bà không biết. Nay chị Th xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh L và chị Th có 02 con chung là Lê Minh Nh, sinh ngày 07/7/2012, Lê Huỳnh Kh, sinh ngày 27/7/2017. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với chị Th, chị Th có nguyện vọng nuôi cả 02 con bà cũng đồng ý. Anh L chị Th có những tài sản và vay nợ hay không thì bà không biết.

Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án Triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh L vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án là vi phạm quy định tại các Điều 70 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS để tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Th được ly hôn anh Lê Văn L.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Lê Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Lê Minh Nh, sinh ngày 07/7/2012, Lê Huỳnh Kh, sinh ngày 27/7/2017 cho chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung là phù hợp.

- Về tài sản, nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy không xem xét.

- Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Lê Văn L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Th có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt. Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2011 tại UBND xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy hôn nhân giữa chị Th và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh L, tuy nhiên sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh L không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được. Như vậy anh L đã làm mất đi cơ hội đoàn tụ của vợ chồng. Việc chị Th trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thực trạng hôn nhân phù hợp với xác minh tình trạng hôn nhân chị Th anh L tại địa phương. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Th được ly hôn anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Th và anh L có 02 con chung cháu Lê Minh Nh, sinh ngày 07/7/2012, cháu Lê Huỳnh Kh, sinh ngày 27/7/2017. Chị Th có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Nh và cháu Kh và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy anh L không thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết hôn nhân, cũng như trách nhiệm của mình đối với con chung. Từ trước đến nay cháu Nh và cháu Kh ở với chị Th, cháu Nh cũng có nguyện vọng được ở với chị Th, để đảm bảo cho các cháu phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và học tập ổn định. Nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, nên giao cháu Nh và cháu Kh cho

chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản, nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Lê Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Lê Minh Nh, sinh ngày 07/7/2012, Lê Huỳnh Kh, sinh ngày 27/7/2017 cho chị Th tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ : Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005522 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị Th đã nộp đủ án phí DSST.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyệnĐông Sơn;
- UBND xã Đông Tiến;
- Chi cục THA dân sự huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trịnh Thị Hà